TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2020/HS-PT
Ngày: 25- 8- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh.

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 25 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 135/2020/TLPT-HS ngày 08 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Võ Trường G và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2020/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo kháng cáo:

1. **Võ Trường G**, sinh năm 1994 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp T, xã Tân T1, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn P, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1969; có vợ (đã ly hôn) và có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam: ngày 18-9-2019; cấm đi khỏi nơi cư trú: ngày 13-01-2020 *(có mặt tại phiên tòa).*

2. **Nguyễn Thanh T2**, sinh năm 1996 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp B, xã Tân T1, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1968 (đã chết) và bà Nông Thị Mỹ A, sinh năm 1973 (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án:

Không; tiền sự: Ngày 25-6-2019 bị Ủy ban nhân dân xã Tân T1, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định số: 08/QĐ-UBND áp dụng biện pháp giáo dục tại Xã về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma T2y", thời hạn 03 (Ba) tháng, chấp hành xong vào ngày 25-9-2019; tạm giam: ngày 18-9-2019. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp *(có mặt tại phiên tòa)*.

3. **Nguyễn Hữu N (1111)**, sinh năm 1999 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp B, xã Tân T1, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Lâm E, sinh năm 1969 và bà Phan Thị N, sinh năm 1969; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt tại phiên tòa)*.

4. **Lê Văn V**, sinh ngày 22-7-2000 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp B, xã Tân T1, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn G1, sinh năm 1969 và bà Trương Thị D, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt tại phiên tòa)*.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn V*:

Luật sư Nguyễn Hoàng G- Văn phòng Luật sư Hoàng G thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp *(có mặt tại phiên tòa)*.

Địa chỉ: Số 428, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, ngày 18-3-2019 bị cáo Võ Trường G và Lê Văn Đ uống cà phê tại quán bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1974, tại ấp T, xã Tân T1, huyện Thanh B tỉnh Đồng Tháp. Bị cáo G nói với Lê Văn Đ:*"Thôi bây giờ mình đến các vựa ớt xin tiền",* rồi bị cáo G kêu Lê Văn Đ rủ thêm anh em và mang theo hung khí (dao tự chế) nên Đ đồng ý.

Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 21-3-2019 tại quán nước của bà M, Lê Văn Đ điện thoại thông báo cho bị cáo G biết đã chuẩn bị xong và điện thoại rủ rê thêm các bị cáo Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Hữu N, Lê Văn V và các đối tượng Cao Văn T3(tự B1), Nguyễn Tấn T3 (tự Chuột L) cùng khoảng trên 10 người thanh niên khác (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) để tham gia. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì các đối tượng tập trung đủ người và hung khí, bị cáo G nói: *"Anh em cứ đi đi, có gì tao lo hết"*, rồi bị cáo G điều khiển xe mô tô biển số 66B1-524.XX chở Đ, Tâm điều khiển xe mô tô biển số 66N9-XXXX chở V, còn

T3 điều khiển xe gắn máy biển số 66BA-022.XX chở N và T2, cùng với 05 - 06 xe mô tô khác, có khoảng trên 10 người (không rõ tên địa chỉ) chạy theo.

Khi đến vựa ớt tên "ABC" tại ấp N, xã An P huyện Thanh B do ông Nguyễn Hồng H làm chủ, Đ nói: *"Mấy thằng bây ở bên ngoài đợi để tao và G vào nói chuyện"*, rồi bị cáo G, Đ và bị cáo T2 đi vào vựa ớt; còn bị cáo N, bị cáo V và các đối tượng T1 T3 và những người còn lại đứng bên ngoài, một số đối tượng (không rõ họ tên, địa chỉ) cầm dao tự chế, giả vờ làm rơi hung khí cố ý để bị hại nghe tiếng động và nhìn thấy. Khi vào bên trong vựa ớt, G hỏi: "*Ai là chủ ở đây?"* thì anh Đinh Duy P (công nhân) và anh Trần Hoàng M (Tư Đ) người quản lý nói: *"Có gì không?".* Bị cáo G nói: "*Giờ thất nghiệp không có việc làm, không có tiền nhậu, anh cho ít tiền nhậu, mai mốt vựa có chuyện gì điện cho tụi em đến giúp liền*". Lúc này, anh M điện thoại cho ông H biết, do sợ nhóm người của G quậy phá gây ảnh hưởng đến chuyện làm ăn, nên ông H kêu ông M đưa 1.000.000 đồng, bị cáo G trực tiếp nhận tiền rồi đưa cho bị cáo T2 thu giữ và cả nhóm rời đi. Cũng với thủ đoạn nêu trên, bị cáo G và đồng phạm đến các vựa ớt tiếp theo trên địa bàn (xã An P và xã Tân T) tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội cụ thể như sau:

- Tại vựa ớt tên "DEF" ở ấp N, xã An P do ông Nguyễn Tri P làm chủ, bị cáo G, Đ và bị cáo T2 đi vào trong vựa ớt, còn bị cáo Nghĩa, bị cáo V và các đối tượng T T1 và những người còn lại đứng bên ngoài làm nhiệm vụ như đã nêu trên. Bị cáo G cũng hỏi: *"Ai là chủ ở đây?"*, ông P trả lời: *"Tôi nè, có gì không mấy chú?"*, G nói: *"Giờ thất nghiệp không có việc làm, không có tiền nhậu, anh cho ít tiền nhậu, mai mốt vựa có chuyện gì điện cho tụi em đến giúp liền"*. Ông P thấy nhóm của G có nhiều người, có mang hung khí nếu không cho tiền thì sẽ bị quậy phá gây khó khăn trong chuyện làm ăn nên đưa 1.000.000 đồng, bị cáo T2 trực tiếp nhận và giữ tiền.

- Tại vựa ớt tên "KHM" thuộc ấp N, xã An P do bà Huỳnh Thị Thu D làm chủ, các bị cáo G, Đ và bị cáo T2 đi vào gặp bà D hỏi xin tiền. Thấy nhóm của bị cáo G nhiều người, bà Diễm sợ nên lấy 1.000.000 đồng đưa cho bị cáo T2 và bị cáo T2 đi đến nhận và giữ tiền.

- Tại vựa ớt tên "KLO" thuộc ấp N, xã An P do ông Lê Xuân B làm chủ, bị cáo G điều khiển xe mô tô chở Đ chạy thẳng vào trong vựa ớt cùng với bị cáo T2 gặp ông B, còn các bị cáo N, V và các đối tượng T, T1 và những người khác thì dừng xe trước cửa vựa ớt. Bị cáo G gặp ông B hỏi xin tiền nên ông Bmời G, Đ, T2 ngồi xuống bàn đá gần đó để nói chuyện. Lúc này, bên ngoài cửa bị cáo V và T lấy dao tự chế làm rơi xuống sân tạo tiếng động để chủ vựa ớt nhìn thấy sợ để cho tiền. Thấy nhóm của G có nhiều người và có hung khí, ông B sợ bị quậy phá nên đưa 1.500.000 đồng, bị cáo T2 là người trực tiếp nhận và giữ tiền.

- Tại vựa ớt tên "OPC" thuộc ấp N, xã An Pg do ông Nguyễn Văn D1 làm chủ, bị cáo G, Đ, bị cáo T2 đi vào trong vựa gặp ông D1 hỏi xin tiền, còn các bị

cáo Nghĩa, V và các đối tượng T T2 và những người khác đứng trước cửa. Lúc này các đối tượng bên ngoài sân cầm 04 con dao tự chế (bó lại) đi vào gần bên trong vựa ớt làm rơi xuống nền sân nhiều lần. Ông Danh thấy nhóm của G có nhiều người, có hung khí nên ông sợ và đưa 600.000 đồng, bị cáo T2 là người trực tiếp nhận và giữ tiền.

Ngoài ra, G và đồng phạm còn khai nhận đã đến các cơ sở kinh doanh khác như vựa ớt tên "ERT" thuộc ấp N, xã An P, vựa ớt của ông Trần Văn Q thuộc ấp T, xã Tân T1, Công ty may Phụng N1 thuộc ấp T, xã Tâ1 để xin tiền nhưng các sơ sở này không có tiền cho.

Sau khi xin được tiền, bị cáo G và đồng phạm điều khiển xe mô tô đến khu vực bến đò "Doi Lửa" thuộc ấp T3, xã Tân T1, huyện Thanh B. Tại đây, Lê Văn Đ kêu Tâm và V mang hung khí cất giấu. Sau đó cả nhóm đến quán cà phê "WQ" ở chợ Tân T1 do ông Đỗ Văn N làm chủ. Lúc này, bị cáo Nguyễn Thanh T2 kiểm tra lại tiền được tổng cộng là 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng) rồi đưa cho Lê Văn Đ. Lê Văn Đ cầm tiền đứng ra chia cho bị cáo G 430.000 đồng, bị cáo V 500.000 đồng, bị cáo N, bị cáo T2 và các đối tượng T, T2 mỗi người 300.000 đồng và các đối tượng còn lại nhưng không không rõ họ tên địa chỉ cụ thể.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh B, các bị cáo Võ Trường G, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Hữu Ng, Lê Văn V và các đối tượng Văn T, Nguyễn Tấn T3 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đối với Lê Văn Đ, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp đã ra Quyết định khởi tố bị can và Quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với Cao Văn T, sinh ngày 04-6-2003 và Nguyễn Tấn T3, sinh ngày 08-8-2004 tham gia giúp sức cho bị cáo G cùng đồng phạm thực hiện hành vi "Cưỡng đoạt tài sản", nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi thì T và T3 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh B đã tách hồ sơ, chuyển đến Công an xã An P, huyện Thanh B xử lý hành chính theo quy định của pháp luật.

Đối với nhóm thanh niên điều khiển xe mô tô tham gia cùng với bị cáo G và đồng phạm do không biết được họ tên, địa chỉ cụ thể, nên quá trình điều tra không làm việc được, do vậy chưa xử lý theo quy định.

Đối với ông Nguyễn T3 T3 là chủ vựa ớt "ABC" và ông Trần Văn Q chủ vựa ớt trong quá trình điều tra xác định không có thiệt hại về tài sản, nên ông T3 và ông Q không có yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại.

*** Về vật chứng gồm**:

- Đối với hung khí (04 dao tự chế) sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì T V mang cất giấu tại khu vực bến đò "XXXX" thuộc ấp T4, xã Tân T1, huyện Thanh B, trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng chưa tìm được nên chưa thu hồi.

- Đối với xe mô tô biển số 66B1-524.XX do bị cáo G đứng tên chủ sở hữu là xe của ông Võ Văn P, bà Phạm Thị L (cha, mẹ bị cáo G) mua cho G đứng tên để sinh hoạt trong gia đình. Sau khi G bị bắt tạm giam, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông P không biết xe mô tô trên có liên quan đến vụ án, nên ông đã bán cho một người lạ (không rõ tên, địa chỉ cụ thể) để lấy tiền chữa bệnh, nên không có thu hồi.

- Đối với xe mô tô biển số 66N9-4307 do ông Cao Văn S (cha ruột của Cao Văn T) đứng tên chủ sở hữu và xe gắn máy biển số 66BA-022.XX do ông Lê Thành T5 (ông ngoại của Nguyễn Tấn T2) đứng tên chủ sở hữu thì ông S và ông T5 không biết Tvà T2 sử dụng các phương tiện nêu trên đi thực hiện hành vi phạm tội, nên đã trao trả lại cho ông S và ông T5 xong.

- Đối với 01 USB hiệu TOSHIBA 8GB, màu đen và 01 USB hiệu KINGSTON 16GB do ông Nguyễn Văn D và ông Trần Hoàng M tự nguyện giao nộp, bên trong có chứa nội dung ghi lại hình ảnh Lê Văn Đ và các bị cáo G, T2 nói chuyện và nhận tiền của các chủ vựa ớt. Do Lê Văn Đ hiện nay đã bỏ trốn chưa bắt được (đang truy nã), đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Văn Đ nên giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh B tiếp tục quản lý 02 USB nêu trên để làm căn cứ xử lý đối với Lê Văn Đ theo quy định.

*** Về trách nhiệm dân sự**:

Quá trình điều tra, các bị cáo và các đối tượng liên quan đã tự nguyện giao nộp lại số tiền chiếm đoạt gồm: Nguyễn Thanh T2 nộp 300.000 đồng, Nguyễn Hữu N nộp 300.000 đồng, Lê Văn V nộp 500.000 đồng, Cao Văn T nộp 300.000 đồng, Nguyễn Tấn T3 nộp 300.000 đồng, tổng cộng là 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng). Phần còn lại là 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng) đến ngày 03-10-2019 bà Phạm Thị L (mẹ bị cáo G) đã tự nguyện giao nộp đủ 3.400.000 đồng để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho những người bị hại xong.

Ngày 05-01-2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh B đã trao trả số tiền trên cho các bị hại gồm trả Nguyễn Hồng H 1.000.000 đồng, Nguyễn Tri P 1.000.000 đồng, Huỳnh Thị Thu D1.000.000 đồng, Lê Xuân B 1.500.000 đồng, Nguyễn Văn D 600.000 đồng. Các bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HS-ST ngày 28-4-2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Võ Trường G, Nguyễn Thanh T2, Lê Văn V và Nguyễn Hữu N cùng phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Trường G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ cho thời gian bị tạm giam từ ngày 18-9-2019 đến ngày 13-01-2020.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 18-9-2019.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn V 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, bị cáo Nguyễn Thanh T2 có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Đến ngày 18 tháng 5 năm 2020, Nguyễn Thanh T2 có đơn xin rút kháng cáo.

Cùng ngày 11 tháng 5 năm 2020, các bị cáo Võ Trường G, Lê Văn V có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Riêng bị cáo Nguyễn Hữu N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Trường G, NguyễnThanh T2, Nguyễn Hữu Nghĩa và Lê Văn V thừa nhận hành vi vi phạm, thừa nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo cho rằng mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là cao. Vì vậy, các bị cáo Võ Trường G và Lê Văn V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Hữu N kháng cáo xin hưởng án treo; riêng bị cáo Nguyễn Thanh T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng đã rút kháng cáo. Tại phiên tòa, các bị cáo G, V và Nghĩa vẫn giữ nguyên kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Các bị cáo G, V, N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo nhưng không có chứng cứ để chứng minh yêu cầu kháng cáo của các bị cáo là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt tù đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T2 đã rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư Nguyễn Hoàng G bào chữa cho bị cáo Lê Văn V phát biểu thống nhất với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự đối với hành vi của các bị cáo, trong đó có bị cáo Lê Văn V. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo Lê Văn V xuất thân từ gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn, nhận thức pháp luật còn rất nhiều hạn chế lại bị đối tượng Lê Văn Đ dụ dỗ, lôi kéo nên dẫn đến con đường phạm tội. Bản thân bị cáo V có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo thật thà khai báo, khắc phục xong hậu quả cho bị hại, số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là không lớn, bị cáo là lao động chính trong gia đình và nhất thời phạm tội, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo V được hưởng án treo để có điều kiện giáo dục, cải tạo thành công dân tốt, chăm lo cho gia đình và cũng nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự Nhà nước ta.

Tại phần tranh luận, các bị cáo G, V, Nghĩa không tranh luận. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo G, V, Nghĩa xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo để có điều kiện chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Xét thấy, các bị cáo Võ Trường G, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Hữu Na và Lê Văn V không có việc làm ổn định, chỉ vì cần tiền tiêu xài mà các bị cáo đã đến các cơ sở kinh doanh đóng trên địa bàn xã An P và xã Tân T, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp để xin tiền theo hình thức bảo kê. Bị cáo Võ Trường G gợi ý với Lê Văn Đ và Lê Văn Đ là người trực tiếp đứng ra bàn bạc với các bị cáo Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Hữu N, Lê Văn V và các đồng phạm khác chuẩn bị hung khí

(dao tự chế) rồi tập trung với số lượng hơn 10 người mang hung khí (dao tự chế) đi đến 07 cơ sở kinh doanh ớt và Công ty mai Phụng N vào lúc ban đêm để uy hiếp tinh thần các chủ cơ sở kinh doanh làm cho họ sợ mà đưa tiền cho các bị cáo. Bằng hành vi trên, các bị cáo đã chiếm đoạt của 05 cơ sở kinh doanh ớt số tiền 5.100.000 đồng, còn lại 02 cơ sở kinh doanh ớt và Công ty mai Phụng Nguyên không có tiền để đưa cho các bị cáo. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự, do đó Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HS-ST ngày 28-4-2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp kết án các bị cáo về tội danh trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Bị cáo Võ Trường G thực hiện hành vi phạm tội với vai trò chủ mưu, dẫn dắt các bị cáo khác và trực tiếp cưỡng đoạt tài sản của các bị hại. Bị cáo Nguyễn Hữu N, bị cáo Lê Văn V là người thực hành và giúp sức tích cực cho bị cáo G. Vì vậy, căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, căn cứ vào nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy mức hình phạt mà Bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo G, Nghĩa, V là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Trường G, Lê Văn V kháng cáo xin giảm hình phạt, xin hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Hữu N kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, vì vậy giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt tù đối với các bị cáo Võ Trường G, Lê Văn V và Nguyễn Hữu N.

[3] Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T2 đã tự nguyện rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử đối với bị cáo T2. Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo T2 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[4] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ chấp nhận. Phát biểu của người bào chữa cho bị cáo Lê Văn V là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo Võ Trường G, Nguyễn Hữu N, Lê Văn V không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Thanh T2 rút kháng cáo và được Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm nên bị cáo T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Trường G, Nguyễn Hữu N, Lê Văn V.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt tù đối với các bị cáo Võ Trường G, Nguyễn Hữu N, Lê Văn V.

Tuyên bố các bị cáo Võ Trường G, Nguyễn Hữu N, Lê Văn V phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

1. Căn cứ khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Trường G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian bị tạm giam (từ ngày 18-9-2019 đến ngày 13-01-2020).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn V 01 (Một) năm tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 01 (Một) năm tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

4. Căn cứ Điều 342, Điều 348 và điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thanh T2.

Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp đã tuyên xử đối với bị cáo Nguyễn Thanh T2 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm.

5. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; các điểm b, g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 02- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Võ Trường G, Nguyễn Hữu N, Lê Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thanh T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS huyện Thanh B;
- CQCSĐT Công an huyện Thanh B;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (Loan).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh